

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12-01-2023

V/v Tranh chấp HNGĐ - Ly hôn,
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Phước Tâm;
2. Bà Võ Thị Điệp;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 488/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 566/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Phan Hữu Q**, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn Triền N, xã Phú A, huyện Phú V, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Bị đơn: Chị **Trần Huyền** sinh năm 1990; Địa chỉ: tổ 3, ấp 4, xã Mỹ L, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/8/2022 anh Phan Hữu Q là nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Q và chị T kết hôn với nhau năm 2009, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) xã Mỹ L, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp ngày 14/10/2010. Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc, nhưng sau đó vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Q, chị T đã ly thân với nhau từ năm 2014 đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không ai có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy, hôn nhân không thể hàn gắn nên anh Phan Hữu Q yêu cầu ly hôn với chị Trần Huyền T.

- Về con chung: Anh Q, chị T có 01 con chung tên Phan Trần Văn T, sinh ngày 02/9/2010. Hiện nay, con chung đang sống với anh Q. Khi ly hôn, anh Q yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Theo văn bản ý kiến ngày 08/12/2022 bị đơn chị Trần Huyền T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Phan Hữu Q kết hôn với nhau năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ L, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp ngày 14/10/2010. Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc, nhưng sau đó vợ chồng thường xuyên cự cãi, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T, anh Q đã ly thân với nhau từ năm 2014 đến nay. Trong thời gian ly thân, không ai có ý định hàn gắn tình cảm. Nhận thấy, hôn nhân không thể hàn gắn được nên chị T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Phan Hữu Q.

- Về con chung: Chị T, anh Q có 01 con chung tên Phan Trần Văn T, sinh ngày 02/9/2010. Hiện nay, con chung đang sống với anh Q. Khi ly hôn, chị T đồng ý để anh Q được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Phan Trần Văn T, chị T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ của ai và cũng không cho ai nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Anh Phan Hữu Q có đơn yêu cầu ly hôn với chị Trần Huyền T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con*”.

Chị Trần Huyền T là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ: tổ 3, ấp 4, xã Mỹ L, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Phan Hữu Q và chị Trần Huyền T đã được triệu tập hợp lệ nhưng anh Q, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Q, Hội đồng xét xử nhận định: Anh Q và chị T kết hôn vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại

UBND xã Mỹ L, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp ngày 14/10/2010, do đó hôn nhân giữa anh Q và chị T là hợp pháp.

Anh Q, chị T cho rằng cuộc sống hôn nhân giữa anh Q, chị T phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cự cãi; Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Anh Q và chị T đã ly thân từ năm 2014 đến nay. Trong thời gian vợ chồng ly thân với nhau, anh Q và chị T không ai có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa anh Q và chị T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của anh Phan Hữu Q.

- Về con chung: Chị T, anh Q có 01 con chung tên Phan Trần Văn T, sinh ngày 02/9/2010. Hiện nay, con chung đang sống với anh Q. Sau khi ly hôn anh Q yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Chị T đồng ý để anh Q nuôi dưỡng con chung.

Căn cứ vào văn bản ý kiến ngày 03/8/2022 con chung Phan Trần Văn T có nguyện vọng được sống với anh Q. Hơn nữa, từ khi vợ chồng ly thân đến nay con chung do anh Q nuôi dưỡng. Do đó, giao con chung tên Phan Trần Văn T, sinh ngày 02/09/2010 cho anh Phan Hữu Q tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Q không yêu cầu.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án anh Q phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh Q đã nộp theo biên lai số 0014588 ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phan Hữu Q.

1. Về hôn nhân: Anh Phan Hữu Q được ly hôn với chị Trần Huyền T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phan Trần Văn T, sinh ngày 02/09/2010 cho anh Phan Hữu Q tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Trần Huyền T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trần Huyền T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Anh Phan Hữu Q phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh Q đã nộp theo biên lai số: 0014588 ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Hữu Hà